



## SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN

**a) Ví dụ 1 :** So sánh 8,1m và 7,9m.

Ta có thể viết :  $8,1\text{m} = 81\text{dm}$

$7,9\text{m} = 79\text{dm}$

Ta có :  $81\text{dm} > 79\text{dm}$  ( $81 > 79$  vì ở hàng chục có  $8 > 7$ ),

tức là :  $8,1\text{m} > 7,9\text{m}$ .

Vậy :  $8,1 > 7,9$  (phần nguyên có  $8 > 7$ )

*Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.*

**b) Ví dụ 2 :** So sánh 35,7m và 35,698m.

Ta thấy 35,7m và 35,698m có phần nguyên bằng nhau (đều bằng 35m), ta so sánh các phần thập phân :

Phần thập phân của 35,7m là  $\frac{7}{10}\text{m} = 7\text{dm} = 700\text{mm}$ .

Phần thập phân của 35,698m là  $\frac{698}{1000}\text{m} = 698\text{mm}$ .

Mà :  $700\text{mm} > 698\text{mm}$  ( $700 > 698$  vì ở hàng trăm có  $7 > 6$ ),

nên :  $\frac{7}{10}\text{m} > \frac{698}{1000}\text{m}$ .

Do đó :  $35,7\text{m} > 35,698\text{m}$ .

Vậy :  $35,7 > 35,698$  (phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có  $7 > 6$ ).

*Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần mười lớn hơn thì số đó lớn hơn.*

**c) Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau :**

– So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

– Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn, ... ; đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

– Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Ví dụ :  $2001,2 > 1999,7$  (vì  $2001 > 1999$ ).

$78,469 < 78,5$  (vì phần nguyên bằng nhau, ở hàng phần mười có  $4 < 5$ ).

$630,72 > 630,70$  (vì phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười bằng nhau, ở hàng phần trăm có  $2 > 0$ ).

**1** So sánh hai số thập phân :

a) 48,97 và 51,02 ;

b) 96,4 và 96,38 ;

c) 0,7 và 0,65.

**2** Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

6,375 ; 9,01 ; 8,72 ; 6,735 ; 7,19.

**3** Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé :

0,32 ; 0,197 ; 0,4 ; 0,321 ; 0,187.



## LUYỆN TẬP



84,2 ... 84,19  
6,843 ... 6,85

47,5 ... 47,500  
90,6 ... 89,6

- 2 Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

5,7 ; 6,02 ; 4,23 ; 4,32 ; 5,3.

- 3 Tìm chữ số  $x$ , biết :  $9,7x8 < 9,718$ .

- 4 Tìm số tự nhiên  $x$ , biết :

a)  $0,9 < x < 1,2$  ;

b)  $64,97 < x < 65,14$ .



## LUYỆN TẬP CHUNG

- 1 Đọc các số thập phân sau đây :

a) 7,5 ; 28,416 ; 201,05 ; 0,187.

b) 36,2 ; 9,001 ; 84,302 ; 0,010.

- 2 Viết số thập phân có :

a) Năm đơn vị, bảy phần mười ;

b) Ba mươi hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm ;

c) Không đơn vị, một phần trăm ;

d) Không đơn vị, ba trăm linh bốn phần nghìn.

- 3 Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

42,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 41,538.

- 4 Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a)  $\frac{36 \times 45}{6 \times 5}$  ;

b)  $\frac{56 \times 63}{9 \times 8}$  .





## VIẾT CÁC SỐ ĐO DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN

**a) Ví dụ 1 :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$6\text{m } 4\text{dm} = \dots \text{ m.}$$

Cách làm :  $6\text{m } 4\text{dm} = 6\frac{4}{10}\text{ m} = 6,4\text{m.}$

Vậy :  $6\text{m } 4\text{dm} = 6,4\text{m.}$

**b) Ví dụ 2 :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$3\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{ m.}$$

Cách làm :  $3\text{m } 5\text{cm} = 3\frac{5}{100}\text{ m} = 3,05\text{m.}$

Vậy :  $3\text{m } 5\text{cm} = 3,05\text{m.}$

**1** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $8\text{m } 6\text{dm} = \dots \text{ m ;}$

b)  $2\text{dm } 2\text{cm} = \dots \text{ dm ;}$

c)  $3\text{m } 7\text{cm} = \dots \text{ m ;}$

d)  $23\text{m } 13\text{cm} = \dots \text{ m.}$

**2** Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân :

a) Có đơn vị đo là mét :

$$3\text{m } 4\text{dm} ; \quad 2\text{m } 5\text{cm} ; \quad 21\text{m } 36\text{cm.}$$

b) Có đơn vị đo là đề-xi-mét :

$$8\text{dm } 7\text{cm} ; \quad 4\text{dm } 32\text{mm} ; \quad 73\text{mm.}$$

**3** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $5\text{km } 302\text{m} = \dots \text{ km ;}$

b)  $5\text{km } 75\text{m} = \dots \text{ km ;}$

c)  $302\text{m} = \dots \text{ km.}$



## LUYỆN TẬP

**1** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $35\text{m } 23\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;      b)  $51\text{dm } 3\text{cm} = \dots \text{ dm}$  ;      c)  $14\text{m } 7\text{cm} = \dots \text{ m}$ .

**2** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

$315\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $234\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $506\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $34\text{dm} = \dots \text{ m}$ .

*Mẫu :*       $315\text{cm} = 3,15\text{m}$ .

*Cách làm :*  $315\text{cm} = 300\text{cm} + 15\text{cm} = 3\text{m } 15\text{cm}$

$$= 3 \frac{15}{100} \text{ m} = 3,15\text{m}.$$

**3** Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là ki-lô-mét :

a)  $3\text{km } 245\text{m}$  ;      b)  $5\text{km } 34\text{m}$  ;      c)  $307\text{m}$ .

**4** Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $12,44\text{m} = \dots \text{ m } \dots \text{ cm}$  ;      b)  $7,4\text{dm} = \dots \text{ dm } \dots \text{ cm}$  ;

c)  $3,45\text{km} = \dots \text{ m}$  ;      d)  $34,3\text{km} = \dots \text{ m}$ .



## VIẾT CÁC SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

**Ví dụ :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$5 \text{ tấn } 132\text{kg} = \dots \text{ tấn}$ .

*Cách làm :*  $5 \text{ tấn } 132\text{kg} = 5 \frac{132}{1000} \text{ tấn} = 5,132 \text{ tấn}$ .

Vậy :  $5 \text{ tấn } 132\text{kg} = 5,132 \text{ tấn}$ .

**1** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $4 \text{ tấn } 562\text{kg} = \dots \text{ tấn}$  ;      b)  $3 \text{ tấn } 14\text{kg} = \dots \text{ tấn}$  ;

c)  $12 \text{ tấn } 6\text{kg} = \dots \text{ tấn}$  ;      d)  $500\text{kg} = \dots \text{ tấn}$ .

**2** Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân :

a) Có đơn vị đo là ki-lô-gam :

2kg 50g ;      45kg 23g ;      10kg 3g ;      500g.

b) Có đơn vị đo là tạ :

2 tạ 50kg ;      3 tạ 3kg ;      34kg ;      450kg.

**3** Trong vườn thú có 6 con sư tử. Trung bình mỗi ngày một con ăn hết 9kg thịt. Hỏi cần bao nhiêu tấn thịt để nuôi số sư tử đó trong 30 ngày ?



## VIẾT CÁC SỐ ĐO DIỆN TÍCH DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

**a) Ví dụ 1 :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$3\text{m}^2\ 5\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2.$$

Cách làm :  $3\text{m}^2\ 5\text{dm}^2 = 3\frac{5}{100}\text{m}^2 = 3,05\text{m}^2.$

Vậy :  $3\text{m}^2\ 5\text{dm}^2 = 3,05\text{m}^2.$

**b) Ví dụ 2 :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$42\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2.$$

Cách làm :  $42\text{dm}^2 = \frac{42}{100}\text{m}^2 = 0,42\text{m}^2.$

Vậy :  $42\text{dm}^2 = 0,42\text{m}^2.$



**1** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $56\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$  ;

b)  $17\text{dm}^2 23\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$  ;

c)  $23\text{cm}^2 = \dots \text{dm}^2$  ;

d)  $2\text{cm}^2 5\text{mm}^2 = \dots \text{cm}^2$ .

**2** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $1654\text{m}^2 = \dots \text{ha}$  ;

b)  $5000\text{m}^2 = \dots \text{ha}$  ;

c)  $1\text{ha} = \dots \text{km}^2$  ;

d)  $15\text{ha} = \dots \text{km}^2$ .

**3** Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $5,34\text{km}^2 = \dots \text{ha}$  ;

b)  $16,5\text{m}^2 = \dots \text{m}^2 \dots \text{dm}^2$  ;

c)  $6,5\text{km}^2 = \dots \text{ha}$  ;

d)  $7,6256\text{ha} = \dots \text{m}^2$ .



## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $42\text{m} 34\text{cm} = \dots \text{m}$  ;

b)  $56\text{m} 29\text{cm} = \dots \text{dm}$  ;

c)  $6\text{m} 2\text{cm} = \dots \text{m}$  ;

d)  $4352\text{m} = \dots \text{km}$ .

**2** Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là ki-lô-gam :

a)  $500\text{g}$  ;

b)  $347\text{g}$  ;

c)  $1,5 \text{ tấn}$ .

**3** Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là mét vuông :

a)  $7\text{km}^2$  ;

$4\text{ha}$  ;

$8,5\text{ha}$ .

b)  $30\text{dm}^2$  ;

$300\text{dm}^2$  ;

$515\text{dm}^2$ .

**4** Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là  $0,15\text{km}$  và chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tính diện tích sân trường với đơn vị đo là mét vuông, là héc-ta.



## LUYỆN TẬP CHUNG

- 1** Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét :  
 a) 3m 6dm ;                      b) 4dm ;                      c) 34m 5cm ;                      d) 345cm.
- 2** Viết số đo thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Đơn vị đo là tấn	Đơn vị đo là ki-lô-gam
3,2 tấn	3200kg
	502kg
2,5 tấn	
	21kg

- 3** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :  
 a) 42dm 4cm = ... dm ;                      b) 56cm 9mm = ... cm ;                      c) 26m 2cm = ... m.
- 4** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :  
 a) 3kg 5g = ... kg ;                      b) 30g = ... kg ;                      c) 1103g = ... kg.
- 5** Viết số thích hợp vào chỗ chấm :  
 Túi cam cân nặng :  
 a) ... kg ;  
 b) ... g.



## LUYỆN TẬP CHUNG

- 1** Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân, rồi đọc các số thập phân đó :
- a)  $\frac{127}{10}$  ;                      b)  $\frac{65}{100}$  ;                      c)  $\frac{2005}{1000}$  ;                      d)  $\frac{8}{1000}$  .



- 2** Trong các số đo độ dài dưới đây, những số nào bằng 11,02km ?  
 a) 11,20km ;    b) 11,020km ;    c) 11km 20m ;    d) 11 020m.
- 3** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :  
 a) 4m 85cm = ... m ;    b) 72 ha = ... km<sup>2</sup>.
- 4** Mua 12 hộp đồ dùng học toán hết 180 000 đồng. Hỏi mua 36 hộp đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền ?

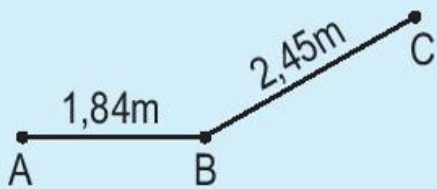
## II - CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

### 1. PHÉP CỘNG



#### CỘNG HAI SỐ THẬP PHÂN

**a) Ví dụ 1 :** Đường gấp khúc ABC có đoạn thẳng AB dài 1,84m và đoạn thẳng BC dài 2,45m. Hỏi đường gấp khúc đó dài bao nhiêu mét ?



Ta phải thực hiện phép cộng :

$$1,84 + 2,45 = ? \text{ (m)}$$

Ta có : 1,84m = 184cm

$$2,45\text{m} = 245\text{cm}$$

$$\begin{array}{r} 184 \\ + 245 \\ \hline \end{array}$$

$$429 \text{ (cm)}$$

$$429\text{cm} = 4,29\text{m}$$

$$\text{Vậy : } 1,84 + 2,45 = 4,29 \text{ (m).}$$

Thông thường ta đặt tính rồi làm như sau :

$$\begin{array}{r} 1,84 \\ + 2,45 \\ \hline 4,29 \text{ (m)} \end{array}$$

- Thực hiện phép cộng như cộng các số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

**b) Ví dụ 2 :**  $15,9 + 8,75 = ?$

Ta đặt tính rồi làm như sau :

$$\begin{array}{r} 15,9 \\ + 8,75 \\ \hline 24,65 \end{array}$$

- Thực hiện phép cộng như cộng các số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

**Muốn cộng hai số thập phân ta làm như sau :**

– **Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.**

– **Cộng như cộng các số tự nhiên.**

– **Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.**

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 58,2 \\ + 24,3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad 19,36 \\ + 4,08 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c)} \quad 75,8 \\ + 249,19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d)} \quad 0,995 \\ + 0,868 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính :

$$\text{a)} \quad 7,8 + 9,6 ;$$

$$\text{b)} \quad 34,82 + 9,75 ;$$

$$\text{c)} \quad 57,648 + 35,37.$$

**3** Nam cân nặng 32,6kg. Tiến cân nặng hơn Nam 4,8kg. Hỏi Tiến cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?



## LUYỆN TẬP

**1** Tính rồi so sánh giá trị của  $a + b$  và  $b + a$  :

<b>a</b>	5,7	14,9	0,53
<b>b</b>	6,24	4,36	3,09
<b>a + b</b>	$5,7 + 6,24 = 11,94$		
<b>b + a</b>	$6,24 + 5,7 = 11,94$		

**Nhận xét :** *Phép cộng các số thập phân có tính chất giao hoán :  
Khi đổi chỗ hai số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.*

$$\mathbf{a + b = b + a}$$

**2** Thực hiện phép cộng rồi dùng tính chất giao hoán để thử lại :

$$\text{a)} \quad 9,46 + 3,8 ;$$

$$\text{b)} \quad 45,08 + 24,97 ;$$

$$\text{c)} \quad 0,07 + 0,09.$$

- 3** Một hình chữ nhật có chiều rộng 16,34m, chiều dài hơn chiều rộng 8,32m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.
- 4** Một cửa hàng tuần lễ đầu bán được 314,78m vải, tuần lễ sau bán được 525,22m vải. Biết rằng cửa hàng đó bán hàng tất cả các ngày trong tuần, hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải ?



## TỔNG NHIỀU SỐ THẬP PHÂN

**a) Ví dụ :** Có ba thùng đựng dầu, thùng thứ nhất có 27,5l, thùng thứ hai có 36,75l, thùng thứ ba có 14,5l. Hỏi cả ba thùng có bao nhiêu lít dầu ?

Ta phải tính :  $27,5 + 36,75 + 14,5 = ? (l)$

$$\begin{array}{r} 27,5 \\ + 36,75 \\ 14,5 \\ \hline 78,75 \end{array}$$

Để tính tổng nhiều số thập phân ta làm tương tự như tính tổng hai số thập phân.

**b) Bài toán :** Người ta uốn một sợi dây thép thành hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là 8,7dm ; 6,25dm ; 10dm. Tính chu vi của hình tam giác đó.

*Bài giải*

Chu vi của hình tam giác là :

$$8,7 + 6,25 + 10 = 24,95 \text{ (dm)}$$

*Đáp số :* 24,95dm.

**1** Tính :

a)  $5,27 + 14,35 + 9,25 ;$

b)  $6,4 + 18,36 + 52 ;$

c)  $20,08 + 32,91 + 7,15 ;$

d)  $0,75 + 0,09 + 0,8.$



- 2** Tính rồi so sánh giá trị của  $(a + b) + c$  và  $a + (b + c)$  :

a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$
2,5	6,8	1,2		
1,34	0,52	4		

*Nhận xét : Phép cộng các số thập phân có tính chất kết hợp :*

*Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của hai số còn lại.*

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

- 3** Sử dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp để tính :

a)  $12,7 + 5,89 + 1,3$  ;

b)  $38,6 + 2,09 + 7,91$  ;

c)  $5,75 + 7,8 + 4,25 + 1,2$  ;

d)  $7,34 + 0,45 + 2,66 + 0,55$ .



## LUYỆN TẬP

- 1** Tính :

a)  $15,32 + 41,69 + 8,44$  ;

b)  $27,05 + 9,38 + 11,23$ .

- 2** Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a)  $4,68 + 6,03 + 3,97$  ;

b)  $6,9 + 8,4 + 3,1 + 0,2$  ;

c)  $3,49 + 5,7 + 1,51$  ;

d)  $4,2 + 3,5 + 4,5 + 6,8$ .

- 3**



$3,6 + 5,8 \dots 8,9$

$7,56 \dots 4,2 + 3,4$

$5,7 + 8,8 \dots 14,5$

$0,5 \dots 0,08 + 0,4$

- 4** Một người thợ dệt ngày thứ nhất dệt được 28,4m vải, ngày thứ hai dệt nhiều hơn ngày thứ nhất 2,2m vải, ngày thứ ba dệt nhiều hơn ngày thứ hai 1,5m vải. Hỏi cả ba ngày người đó dệt được bao nhiêu mét vải ?